

Bản án số: 245/2023/HS-ST
Ngày 29 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 245/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ sinh năm 2001 tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ và bà Lê Thị D sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ con; tiền án:

- Ngày 16/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 08/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2019 tại Trại giam L2.

- Ngày 24/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án 73/2019/HS-ST, nộp án phí và chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2020 tại Trại giam T5.

Tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Lê Văn L, sinh năm 2002, tại tỉnh Thanh Hóa, hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

cha: không rõ và bà Lê Thị D sinh năm 1975; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Kim Q, sinh năm 2004, tại tỉnh Lâm Đồng, hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim Q1 sinh năm 1979 và bà Bùi Thị H sinh năm 1979; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

4. Trần Hà Chí P, sinh năm 1998, tại tỉnh Bạc Liêu, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L1 sinh năm 1967 và bà Trần Hà Cẩm T sinh năm 1968; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 26/7/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. Trần Minh K, sinh năm 2004, tại tỉnh Cà Mau, hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L1 sinh năm 1967 và bà Hồ Thị Đ1 sinh năm 1968; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 26/7/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Ông Trịnh Duy T1, sinh năm 1984, đại diện của hộ kinh doanh Đ2, địa chỉ: thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 38, tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thế Q2, sinh năm 1987, địa chỉ: tổ D, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Đinh Tấn H1, sinh năm 1988, đại diện hộ kinh doanh Dịch vụ Chăm sóc Đ1, địa chỉ: A, đường Đ, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1977, chủ hộ kinh doanh Chăm sóc Dững Phúc, địa chỉ: thửa đất 322, tờ bản đồ số 33, tổ F, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện ủy quyền: ông Thái Xuân T3, sinh 1982, thường trú: thôn B Y, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: tổ F, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 2000, thường trú: xóm C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: tổ F, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Kim Q1, sinh năm 1979; thường trú: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987, địa chỉ: tổ A T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

5. Ông Trần Hà Quốc Q3, sinh năm 1993, thường trú: ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, tạm trú: nhà trọ Phạm Thị Ngọc G, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975, thường trú: ấp A, ấp V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

7. Ông Thạch C, sinh năm 1954 (chết năm 2022). Người đại diện hợp pháp: ông Thạch Sĩ R, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ, Lê Văn L là anh em ruột. Trần Hà Chí P và Trần Minh K là anh em cùng cha khác mẹ. Đ, L, P, K và Nguyễn Kim Q cùng chơi với nhau và không có nghề nghiệp ổn định. Do không có tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài và rủ L, Quyền, K, P và đối tượng tên M (không rõ nhân thân) cùng thực hiện việc trộm cắp tài sản.

Vào khoảng 01 giờ ngày 05/11/2022, tổ tuần tra Công an thị xã (nay là thành phố) T tiến hành tuần tra trên địa bàn phường K, khi tuần tra đến đoạn đường T thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Q, Đ, L đang đi bộ trên đường mang theo 01 ba lô màu đen có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và phát hiện bên trong 01 ba lô màu đen do Lê Văn L mang theo có chứa 01 kiềm thủy lực, 01 bình gas mini, 01 đầu khò, 02 kiềm, 01 tua vít (Tornevis), 02 cờ lê (Clef); trong túi quần bên phải của Đ có 01 mỏ lết (Molette), 01 đôi bao tay; trong người Quyền có 01 (một) đôi bao tay nên tiến hành đưa về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Đ, L, Q khai nhận các dụng cụ trên dùng để đi trộm cắp tài sản và khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 12/6/2022, Đ rủ Q, P và M cùng đi tìm tài sản để lấy trộm thì tất cả đồng ý. Sau đó, Quyền chuẩn bị 01 túi đeo chéo màu đen để đựng tài sản, Đ chuẩn bị 01 cái bao tải bằng vải và 01 cái cờ lê để tháo vách tôn. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 13/6/2022, cả nhóm cùng đi đến phía trước tiệm C1 do ông Lê Thế Q2 quản lý để trộm cắp tài sản. Quyền lấy cái cờ lê mở ốc vít của vách tôn bên hông tiệm, sau đó, Q và Đ chui vào bên trong tìm tài sản còn P, M đứng bên ngoài canh giới. Khi vào bên trong, Q và Đ thấy bên trong tủ kính có trưng bày nhiều chiếc điện thoại khác nhau nên liền mở tủ và lấy đi 13 chiếc điện thoại và máy tính bảng gồm: 01 điện thoại Iphone X 64G; 01 điện thoại Iphone XS max; 01 điện thoại Iphone 6S Plus; 01 điện thoại Samsung M20S; 01 điện thoại Samsung A50S; 01 điện thoại Samsung A02S; 01 điện thoại Samsung A03S; 01 điện thoại Redmi Note 9; 01 máy tính bảng Samsung Tab A; 01 điện thoại Oppo Zeno 7Z5G; 01 điện thoại Oppo A16K; 01 điện thoại Oppo A92; 01 điện

thoại Oppo A3S và 2.000.000 đồng tiền mặt (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau). Sau đó, Đ cùng với P và Q gọi taxi đem số điện thoại vừa lấy trộm được bán cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 10.000.000 đồng tại khu vực gần bến xe miền T thuộc quận B, TP . Hồ Chí Minh. Sau đó Đ, Q, P và M chia nhau mỗi người số tiền 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ sáng ngày 26/7/2022, Đ, Q, M, K, P, L đi đến cửa hàng bán điện thoại HKT thuộc hộ kinh doanh Dịch vụ Chăm đồ Đinh Tấn H1 do ông Đinh Tấn H1 làm chủ để tìm cách trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, M và L dùng dây kẽm nhỏ đã chuẩn bị sẵn từ trước cột xung quanh chốt khoá các cửa phòng trọ gần đó, với mục đích nếu bị phát hiện thì người ở trọ cũng không mở cửa ra và truy bắt được. Sau khi cột dây kẽm xong, M và L lấy xe đi về phòng trọ trước; còn K và P thì đứng bên ngoài canh giới cho Đ và Q leo tường vào bên trong.

Khi đột nhập vào bên trong cửa hàng HKT, Đ và Q lấy được 80 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại Iphone 12 64G màu đen; 01 điện thoại Iphone 12 Promax 128G màu đen; 01 điện thoại Iphone 11 Promax 64G màu trắng; 02 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax 64G màu vàng; 02 điện thoại Iphone 11 Promax màu đen; 01 điện thoại Iphone 11 Promax 64G màu xanh; 01 điện thoại Iphone 11 Promax 256G màu gold; 01 điện thoại Iphone 11 Promax 256G màu đen; 03 điện thoại Iphone XSMax 64G màu gold; 06 điện thoại Iphone XSMax 64G màu đen; 01 điện thoại Iphone XSMax 64G màu trắng; 06 điện thoại Iphone 8 plus 64G; 01 điện thoại Iphone XS 64G màu gold; 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh; 01 điện thoại OPPO Reno 72 màu bạc; 02 điện thoại OPPO A95 màu đen; 05 điện thoại OPPO A55; 04 điện thoại OPPO A16K; 01 điện thoại OPPO A31 màu đen; 01 điện thoại OPPO F5 màu đỏ; 01 điện thoại OPPO A16 màu đen; 01 điện thoại OPPO A73 màu đỏ; 02 điện thoại OPPO A3S màu tím và màu đỏ; 01 điện thoại OPPO A53 màu xanh; 01 điện thoại OPPO A 54 màu đen; 01 điện thoại Realme C35 màu xanh; 02 điện thoại Vivo Y12S màu xanh; 03 điện thoại Vivo Y20 màu xanh; 03 điện thoại Vivo Y21; 02 điện thoại Vivo 15A; 01 điện thoại Vivo Y15 màu đen; 02 điện thoại Sam sung M23 màu đỏ; 02 điện thoại Samsung A12 màu xanh; 01 điện thoại A03 màu đen; 01 điện thoại Samsung A50 màu xanh; 01 điện thoại Samsung Note10 lite màu đen; 01 điện thoại Samsung A750 màu xanh; 01 điện thoại Samsung A10S màu đỏ; 01 điện thoại Samsung A02S màu xanh; 01 điện thoại Samsung A70 màu xanh; 01 điện thoại Realme C15 màu xanh; 01 điện thoại Realme C11 màu xám; 01 điện thoại OPPO F7 màu đỏ; 01 điện thoại Vivo Y21S màu trắng; 01 điện thoại Samsung A51 màu xanh; 01 điện thoại Iphone 7 plus 32G màu đen; 01 điện thoại Iphone 7 plus 32G màu hồng; 01 điện thoại Samsung A10 màu xanh; 01 điện thoại OPPO A5S màu xanh.

Sau khi lấy trộm xong thì P điều khiển xe mô tô biển số 94M1-1337, K điều khiển xe mô tô 83H2-7495 chở Đ, Q mang số tài sản này đem về phòng trọ. Sau đó, Đ cho L 01 điện thoại Realme; cho M 05 điện thoại Iphone. Số còn lại, Đ và Q đem đến tiệm cầm đồ Dũng P1 bán khoảng 15 chiếc điện thoại (do ông Nguyễn Văn D1 là nhân viên đứng ra thu mua). Ngoài ra, Đ và Q còn đem bán cho các cửa hàng khác (không rõ địa chỉ cụ thể) tại địa bàn thành phố D và thành phố T,

tỉnh Bình Dương với tổng số tiền bán được từ 80.000.000 đồng đến 85.000.000 đồng.

Riêng Trần Hà Chí P, Trần Minh K sau khi cùng tham gia vụ trộm cắp tài sản cùng với L, Đ, M thì trên đường về K rủ P cùng đi tìm người đi đường để cướp tài sản, cụ thể: K dùng 01 khẩu súng kim loại màu đen bắn đạn pháo, P dùng 01 gậy 03 khúc bằng kim loại đã chuẩn bị sẵn, khi phát hiện người nào đi một mình thì K nổ súng để đe dọa, sau đó K và P dùng hung khí mang theo đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản là tiền và điện thoại thì P đồng ý. Thực hiện ý định cả 02 lấy bùn đất bôi lên biển số xe để tránh bị phát hiện sau đó, P điều khiển xe mô tô biển số 94M1-1337, K điều khiển xe mô tô 83H2-7495, chạy đến khu vực ngã tư L, T (ngã tư K) để tìm đối tượng để chiếm đoạt tài sản. Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/7/2022, khi cả 02 đang đứng bên lề đường ở khu vực ngã tư K để chờ người đi đường đi qua để cướp tài sản thì bị tổ tuần tra của Công an thành phố T phát hiện và đưa về trụ sở để làm việc. Tại trụ sở công an, P và K đều thừa nhận hành vi chuẩn bị hung khí, công cụ phương tiện để cướp tài sản của người đi đường.

Công an phường K tạm giữ: 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen bên trong ổ đạn có 01 khoanh đạn nhựa; 01 xe mô tô biển số 83H2-7495; 01 (một) xe mô tô biển số 94M1-1337. Tiến hành khám xét tại chỗ ở của Trần Minh K tại phòng số A nhà T thuộc tổ E, khu phố L, phường K, thành phố T thu giữ được 18 khoanh đạn súng pháo bằng nhựa màu đỏ. K khai đặt mua trên mạng khẩu súng và đạn pháo nêu trên với giá 350.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn D1 tự nguyện giao nộp 01 cho cơ quan Cảnh sát điều tra 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng (anh D1 khai là đây là 01 trong điện thoại đã mua của Lê Văn Đ), 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số 49B1 – 09738, 01 xe mô tô Suzuki Raider biển số 36B8-82551;

Kết luận giám định số 5052/KL-KTHS ngày 16/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ C2 kết luận: khẩu súng bằng kim loại màu đen bên trong ổ đạn có 01 khoanh đạn nhựa gửi giám định là súng pháo và thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng.

Xe mô tô biển số 83H2-7495, số máy 52FMH00014499, số khung H013VT014499 do ông Thạch C, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2022, ông C đã bán lại xe trên nhưng không làm thủ tục sang tên. Xe mô tô 83H2-7495 được ông Trần Hà Quốc Q3, là anh cùng cha khác mẹ của Trần Minh K, mua lại nhưng không làm thủ tục sang tên, sau đó ông Q3 cho K mượn để làm phương tiện đi lại, việc K sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm thì ông Q3 hoàn toàn không biết.

Xe mô tô biển số 94M1-1337, số máy VLF1P52FMH370507466, số khung RL8WCHEHY71007466 do ông Nguyễn Văn H2, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2011, ông H2 đã bán lại xe trên nhưng không làm thủ tục sang tên. Xe mô tô 94M1-1337 được ông Trần Hà Quốc Q3, là anh ruột của Trần Hà Chí P, mua lại nhưng không làm thủ tục sang tên, sau đó ông Q3 cho P mượn để làm phương tiện đi lại, việc P sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm thì ông Q3 hoàn toàn không biết.

Xe mô tô biển số 49B1 – 09738, số máy 5C64123587, số khung 5C6409Y123612 do ông Nguyễn Văn T4, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2022, ông T4 đã bán lại xe trên cho Nguyễn Kim Q1 nhưng không làm thủ tục sang tên. Xe mô tô 49B1 – 09738 được ông Nguyễn Kim Q1, là cha của Trần Kim Q4 cho Q4 mượn để làm phương tiện đi lại.

Xe mô tô biển số 36B8-82551, số máy CGA1562275, số khung 11ANNV162249 do bị cáo Lê Văn Đ, đứng tên chủ sở hữu, đăng ký mới (lần đầu) ngày 14/5/2022.

Bản kết luận định giá tài sản số 143/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên kết luận giá trị của 13 chiếc điện thoại bị chiếm đoạt tại tiệm cầm đồ Đ1 vào ngày 13/6/2022 có giá trị là 35.633.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 142/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên kết luận tổng giá trị của 80 chiếc điện thoại của cửa hàng HKT bị chiếm đoạt vào ngày 26/7/2022 có giá trị là 392.800.000 đồng.

Do có sự khác nhau về ngày sinh của Lê Văn Đ giữa Bản án số 08/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bản án 73/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và lý lịch bị can do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T lập nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trưng cầu giám định dấu vân tay của Lê Văn Đ tại Danh bản, chỉ bản do Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lập, D2 bản, chỉ bản do Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai lập, D2 bản, chỉ bản do C (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương lập đối với Lê Văn Đ. Kết quả xác định dấu vân tay trên các tài liệu nêu trên là do cùng một người in ra.

Cáo trạng số 265/CT-VKS.TU ngày 12/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Cướp tài sản” theo khoản điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 5 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm như sau: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K đã phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Cướp tài sản” theo khoản điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 5 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 10 đến 11 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 08 đến 09 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Q từ 09 đến 10 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Hà Chí P từ 09 đến 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 11 năm đến 12 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Minh K từ 08 đến 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của bị hại là hộ kinh doanh Đ và đại diện hợp pháp của bị hại của hộ kinh doanh Dịch vụ Chăm sóc Đ3: Yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá. Ông Đinh Tấn H1 yêu cầu được nhận lại điện thoại iPhone XS Max màu trắng và yêu cầu các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Minh K, Trần Hà Chí P bồi thường số tiền 383.300.000 đồng. Ông Lê Thế Q2 yêu cầu các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P bồi thường số tiền 35.633.000 đồng.

Các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P, Trần Minh K trình bày tranh luận: không có ý kiến với phần luận tội của Viện Kiểm sát và nói lời nói sau cùng: các bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo sớm trở về với gia đình, sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

[3] Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:

[3.1] Ngày 13/6/2022, các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P có hành vi lén lút chiếm đoạt 13 (mười ba) chiếc điện thoại di động có giá trị 35.633.000 đồng của hộ Kinh doanh Đ3, địa chỉ thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 38, tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T. Ngày 26/7/2022, các bị cáo Lê Văn

Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Minh K, Trần Hà Chí P có hành vi lén lút chiếm đoạt 80 chiếc điện thoại di động có giá trị 392.800.000 đồng của hộ kinh doanh Dịch vụ Chăm đồ Đ1, địa chỉ: A, đường Đ, khu phố B, phường K, thành phố T. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi nên thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P, Trần Minh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với tội “Cướp tài sản”: Cùng ngày 26/7/2022, sau khi cảnh giới cho trộm cắp tài sản của hộ kinh doanh Dịch vụ Chăm đồ Đ1, Trần Minh K, Trần Hà Chí P cùng điều khiển xe mô tô chạy đến ngã tư T, L thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tìm người đi đường có tài sản nhằm mục đích cướp tài sản là tiền và điện thoại bằng khẩu súng bắn đạn pháo màu đen, gây 03 khúc bằng kim loại đã chuẩn bị trước đó thì bị phát hiện lực lượng tuần tra phát hiện. Căn cứ vào việc bàn bạc kế hoạch, sửa soạn, chuẩn bị công cụ, phương tiện là súng, gây ba khúc bằng kim loại để cướp tài sản của các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K về tội “Cướp tài sản” theo điểm khoản 5 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về vai trò: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Văn Đ là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P, Trần Minh K là đồng phạm, cùng thực hiện hành vi trộm cắp. Đối với hành vi “Cướp tài sản” thì bị cáo Trần Minh K là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ để phạm tội, bị cáo Trần Hà Chí P là đồng phạm cùng thực hiện với bị cáo K.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi “Cướp tài sản” của Trần Minh K và Trần Hà Chí P bị phát hiện ở giai đoạn “Chuẩn bị phạm tội” nên Hội đồng xét xử không xem xét lần phạm tội này để xác định “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo P và K.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P, Trần Minh K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn Đ đã bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 08/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản án 73/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo Bản án số 08/2018/HS-

ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thì bị cáo Đ bị kết án về tội phạm nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi nên được xem là không có án tích theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự nên Bản án 73/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xác định bị cáo không tái phạm. Bị cáo Đ được xóa án tích của Bản án 73/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch vào ngày 10/6/2022 (bị cáo đã đóng án phí tại Trại giam T5 và chấp hành xong hình phạt ngày 10/6/2020 nên đương nhiên được xóa án tích sau thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù) thì lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản vào ngày 13/6/2022.

[8] Cân nhắc mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Lê Văn L, Trần Minh K đối với tội “Trộm cắp tài sản” và đối với các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K về tội “Cướp tài sản”, Hội đồng xét xử xét thấy với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân các bị cáo, mức hưởng lợi bất chính của các bị cáo, cần quyết định mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện Kiểm sát nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhân đạo của Nhà nước đối với các bị cáo. Qua đó, vừa đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung; vừa điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài nên thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đinh Tấn H1 yêu cầu nhận lại điện thoại Iphone XS Max các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Minh K, Trần Hà Chí P liên đới bồi thường số tiền 383.300.000 đồng. Ông Lê Thế Q2 yêu cầu các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P liên đới bồi thường số tiền 35.633.000 đồng. Các bị cáo đều có lỗi gây ra thiệt hại cho bị hại nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ theo vai trò, hành vi của từng bị cáo, số tiền từng bị cáo thu lợi, để xác định trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo. Đối với thiệt hại của hộ kinh doanh Đ2, các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P cùng thực hiện và được chia số tiền phạm tội bằng nhau nên liên đới bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau là 11.878.000 đồng. Đối với thiệt hại của hộ kinh doanh Đinh Tấn H1, các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q là trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt và được hưởng lợi nhiều nhất từ hành vi phạm tội nên mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại tương ứng với 35% giá trị tài sản chiếm đoạt là 134.155.000 đồng, các bị cáo Lê Văn L, Trần Hà Chí P, Trần Minh K, mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại tương ứng với 10% giá trị tài sản chiếm đoạt, là 38.330.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[10.1] Đối với 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen (bên trong ổ đạn có 01 khoanh đạn nhựa), 18 khoanh đạn nhựa, 01 gậy 03 khúc bằng kim loại, 01 kiếm thủy lực, 01 bình gas mini, 01 đầu khò, 02 kiếm, 01 tua vít, 02 cờ lê; 01 mỏ lết, 02 đôi bao tay là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với xe mô tô biển số 83H2-7495 do ông Thạch C, đứng tên chủ

sở hữu. Ông C đã bán lại xe trên nhưng không làm thủ tục sang tên và xe mô tô biển số 94M1-1337, do ông Nguyễn Văn H2, đứng tên chủ sở hữu ông H2 đã bán lại xe trên nhưng không làm thủ tục sang tên. Cả 02 xe trên do ông Trần Hà Quốc Q3, là anh ruột của Trần Hà Chí P, mua lại nhưng không làm thủ tục sang tên, sau đó ông Q3 cho P, K mượn để làm phương tiện đi lại, việc P, K sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm thì ông Q3 hoàn toàn không biết nên trả 02 xe mô tô nêu trên lại cho ông Q3.

[10.3] Đối với xe mô tô biển số 49B1 – 09738, do ông Nguyễn Văn T4, đứng tên chủ sở hữu, T4 đã bán lại xe trên cho Nguyễn Kim Q1 là cha của bị cáo Nguyễn Kim Q nhưng không làm thủ tục sang tên. Ông Nguyễn Kim Q1, cho Q mượn để làm phương tiện đi lại, Quyền đã cầm cố xe này cho cầm đồ Dũng P1 và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả xe mô tô nêu trên lại cho cầm đồ Dũng P1.

[10.4] Đối với xe mô tô biển số 36B8-82551, số máy CGA1562275, số khung 11ANNV162249 do bị cáo Lê Văn Đ, đứng tên chủ sở hữu, đăng ký mới (lần đầu) ngày 14/5/2022. Đ đã cầm cố xe này cho cầm đồ Dũng P1 và không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả xe mô tô nêu trên lại cho cầm đồ Dũng P1. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với các xe mô tô nêu trên thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

[10.5] Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max màu gold là tài sản của hộ kinh doanh Dịch vụ Cầm đồ Đinh Tấn H1 bị các bị cáo trộm cắp nên trả lại theo quy định.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 10 (mười) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Q 09 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 5 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 14; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Hà Chí P 09 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/7/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 5 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 14; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh K 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Minh K, Trần Hà Chí P liên đới bồi thường số tiền 383.300.000 đồng cho hộ kinh doanh Dịch vụ Cầm đồ Đ1, trong đó các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, mỗi bị cáo phải chịu 134.155.000 đồng; các bị cáo Trần Hà Chí P, Trần Minh K, Lê Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 38.330.000 đồng

Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P liên đới bồi thường số tiền 35.633.000 đồng cho hộ kinh doanh Đ3, trong đó mỗi bị cáo phải chịu 11.878.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp tiêu hủy: 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen (bên trong ổ đạn có 01 khoanh đạn nhựa màu đỏ), 18 khoanh đạn súng pháo, 01 gậy 03 khúc bằng kim loại, 01 ba lô màu đen, 01 kiếm thủy lực, 01 bình gas mini, 01 đầu khò, 02 cái kiếm, 01 cái tua vít, 02 khóa mở ốc; 01 mỏ lết, 02 đôi bao tay.

Trả lại cho ông Trần Hà Quốc Q3:

- 01 xe mô tô kiểu Wave biển số 83H2-7495 màu xanh đen, số khung số máy bị mờ (có kết luận giám định kèm theo); không kính chiếu hậu phải, không hộp xích, không bửng, bó cứng bánh trước, bị bung yên, không kiểm tra máy.

- 01 xe mô tô kiểu Sirius biển số 94M1-1337 màu đỏ đen, số khung số máy bị mờ (có kết luận giám định kèm theo); không kính chiếu hậu phải, bị bung yên, không kiểm tra máy.

Trả lại cho cầm đồ Dũng P1:

- 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số 49B1 – 09738 màu xanh đen, số khung 5C6 40Y123612, số máy 5C64-123587, không kính chiếu hậu phải, không hộp xích, không paga, không kiểm tra máy.

- 01 xe mô tô Suzuki Raider biển số 36B8-82551 màu bạc đen, số khung 1622249, số máy 562275, xe không kính chiếu hậu phải, không hộp xích, gãy phần đuôi gắn biển số, không kiểm tra máy.

Trả lại cho hộ kinh doanh Dịch vụ Cầm đồ Đình Tấn H1: 01 điện thoại Iphone XS Max màu gold, không mở được nguồn, không kiểm tra được số Imei, không kiểm tra máy.

(Các vật chứng được ghi nhận trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn L, Nguyễn Kim Q, Trần Hà Chí P, Trần Minh K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Kim Q, mỗi bị cáo phải chịu 7.301.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Trần Hà Chí P phải chịu 2.510.500 đồng; buộc các bị cáo Lê Văn L, Trần Minh K, mỗi bị cáo phải chịu 1.916.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án
- Lưu Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chử Cần